| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập –Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số 162/2024/HC-PT
Ngày 26/3/2024
*Về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Phạm Việt Hà;

*Các Thẩm phán*: Ông Ong Thân Thắng;

Bà Trần Thị Quỳnh;

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;

*Hỗ trợ tại điểm cầu thành phần:* Ông Đỗ Trọng Tú, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ;

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà:* Ông Lê Đỗ Quyên, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần là Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ,Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử trực tuyến phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 895/2023/TLPT-HC ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính", do có kháng cáo của người bị kiện và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2226/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

* ***Người khởi kiện:*** Bà Lê Thị N, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ D, khu T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:*

- Chị Vũ Thị Thanh H, sinh năm 1989; địa chỉ: CH2032 L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1988; địa chỉ: xóm I, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An; có mặt.

**** Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ; địa chỉ: số A đại lộ H, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Hữu N1 - Phó Chủ tịch; có mặt.

* ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ;

*Người đại diện theo ủy quyền:*

- Ông Nguyễn Việt Đ - Phó Chủ tịch; có mặt.
- Ông Phạm Công H1 - Công chức địa chính; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

** Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Nhà và đất hiện tại tôi đang quản lý, sử dụng thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Tổ D, T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ có nguồn gốc do tôi nhận chuyển nhượng giấy viết tay từ bà Bùi Thị L vào năm 1988. Sau khi nhận chuyển nhượng tôi đã tiến hành xây dựng nhà để ở, đồng thời san lấp, cải tạo khu vực bờ kè phía sau nhà để trồng cây và sử dụng ổn định, lâu dài từ năm 1990 tới nay không có tranh chấp. Ranh giới nhà đất của tôi ở thời điểm hiện tại không có sự thay đổi so với thời điểm tôi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2002. Tuy nhiên, diện tích đất theo số liệu đo đạc hiện tại có tăng thêm 50,5m$^2$ so với Giấy chứng nhận là do sai sót trong việc đo vẽ và cấp giấy của cơ quan Nhà nước, còn về phía tôi, do hiểu biết hạn chế nên tôi cũng không nắm rõ thực tế nhà nước tiến hành đo đạc để cấp sổ như thế nào. Sau này khi tôi biết được diện tích đất trong giấy chứng nhận của tôi chưa bao gồm phần đất 50,5m$^2$ do san lấp, cải tạo đất đai đã có từ trước đó, nên tôi nộp hồ sơ đề nghị công nhận quyền sử dụng đất tăng thêm đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 18 nêu trên.

Tháng 10/2022, tôi nộp đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để đề nghị công nhận đối với phần diện tích tăng thêm 50,5m$^2$ so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp ngày 26/10/2022. Ngày 29/12/2022, UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định số 3375/UBND-TNMT về việc trả lại hồ sơ công nhận quyền sử dụng đất tăng thêm của tôi. Tuy nhiên, tôi nhận thấy Quyết định của UBND thành phố V đã không phản ánh đúng với thực tế sử dụng đất và không phù hợp với quy định của pháp luật đất đai, cụ thể như sau:

Nội dung 1: Quyết định hành chính có nêu: "Hộ bà Lê Thị N được UBND thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V65038 tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 18, diện tích 178,3m$^2$ đất ở đô thị. Trong quá trình sử dụng đất hộ bà Lê Thị N đã tự ý lấn chiếm đất chưa sử dụng (gia đình đã xây tường rào và đang trồng rau)". Ý kiến này của UBND thành phố V là hoàn toàn không đúng với nguồn gốc

và quá trình sử dụng đất của tôi. Phần đất 50,5m$^2$ chưa được cấp Giấy chứng nhận của tôi thực tế đã có từ thời chủ cũ bà Bùi Thị L. Khi tôi mua thửa đất này từ bà Bùi Thị L thì toàn bộ diện tích thửa đất như hiện tại đã được bà L làm hàng rào bao chiếm mà không phải do tôi tự ý lấn chiếm trong quá trình sử dụng đất sau khi được cấp giấy chứng nhận. Sau khi nhận chuyển nhượng từ bà L, để cải tạo tăng hiệu quả sử dụng đất và đảm bảo an toàn, tôi đã cùng với các hộ dân xung quanh tiến hành san lấp vực sâu phía sau nhà để sử dụng.

Tôi khẳng định chắc chắn là tại thời điểm tôi được UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V65038 cho phần diện tích 178,3m$^2$ vào năm 2002, thì tôi đã sử dụng ổn định, lâu dài đối với toàn bộ diện tích đất 228,8m$^2$ và ranh giới thửa đất ở thời điểm hiện tại hoàn toàn không có thay đổi gì so với thời điểm cấp Giấy chứng nhận. Do vậy, UBND thành phố V không thể nói là tôi tự ý lấn chiếm đất chưa sử dụng được vì điều đó không đúng sự thật.

Nội dung 2: Quyết định nêu: Mặt khác UBND thành phố V nhận được đơn của các công dân tại khu T đề nghị kiểm tra lại việc hợp thức đối với diện tích tăng thêm cho hộ bà Lê Thị N (trong đó có nội dung: thửa đất có diện tích 200,0m$^2$, đủ điều kiện đấu giá quyền sử dụng đất, gây thất thu ngân sách Nhà nước). Liên quan đến nội dung này, tôi thật không biết các công dân tại khu T mà UBND thành phố V nhắc đến trong quyết định là ai, trong khi các hộ dân liền kề xung quanh thửa đất của tôi đã đồng ý về nguồn gốc sử dụng đất của tôi, và ký tên xác nhận đất không có tranh chấp (theo nội dụng Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư ngày 07/07/2022). Vậy các công dân mà Quyết định của UBND thành phố V nhắc đến là ai và họ thì có liên quan gì đến việc hợp thức đất của tôi?

Tôi cho rằng, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là quyết định quan quản lý Nhà nước, căn cứ theo quy định của pháp luật đất đai, thửa đất tôi xin hợp thức có đủ điều kiện đề cấp giấy chứng nhận thì Nhà nước có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận cho tôi. Việc có người không đồng ý để tôi được công nhận quyền sử dụng đất, mà người đó đang không có tranh chấp về đất đai với tôi thì ý kiến hay quan điểm của họ không phải là lý do và căn cứ để UBND thành phố V trả lại hồ sơ, không đồng ý cấp giấy chứng nhận cho tôi. Một vấn đề vô cùng oan ức nữa đối với tôi là không hiểu vì lý do gì mà các công dân tại khu T được nhắc đến trong quyết định lại biến thửa đất tôi bỏ tiền ra mua, đã sử dụng ổn định lâu dài hàng chục năm nay thành đất đủ điều kiện đấu giá quyền sử dụng đất, và cho rằng việc hợp thức hóa đất cho tôi sẽ gây thất thu cho ngân sách Nhà nước. Nghiêm trọng hơn là UBND thành phố V lại căn cứ vào lời vu oan của những công dân không rõ là ai đó để quyết định trả lại hồ sơ, không thực hiện việc công nhận quyền sử dụng đất cho tôi.

Nội dung 3: UBND thành phố V chỉ đạo các ban ngành có liên quan kiểm tra, rà soát quỹ đất, đề xuất phương án sử dụng đất, cập nhật, điều chỉnh quy hoạch... để tham mưu, đề xuất UBND thành phố V thực hiện công nhận quyền sử dụng đất hoặc

đấu giá quyền sử dụng đất cho các hộ dân theo quy định. Văn phòng đăng ký đất đai trả lại hồ sơ cho bà Lê Thị N, thưa Qúy tòa, nguồn gốc thửa đất của tôi là khoản tiền mồ hôi, công sức, tuổi trẻ của tôi chắt chiu dành dụm mới mua được và tôi đã bỏ công sức san lấp, tôn tạo đất trong một thời gian dài, cũng đã sử dụng ổn định, lâu dài hàng chục năm, hoàn toàn không có ai tranh chấp, khiếu nại. Theo quy định của P hiện hành, tôi hoàn toàn đủ điều kiện để công nhận quyền sử dụng đất, vì vậy tôi không đồng ý với Quyết định của UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ về việc trả lại hồ sơ công nhận quyền sử dụng đất của tôi. Quyết định của UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi.

Căn cứ Điều 101 Luật Đất đai 2013; Điều 20, Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất và không vi phạm pháp luật đất đai, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy bỏ toàn bộ Quyết định hành chính số 3375/UBND-TNMT ngày 29/12/2022 của UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ về việc trả lại hồ sơ công nhận quyền sử dụng đất tăng thêm của hộ bà Lê Thị N tại phường T, thành phố V.

- Buộc UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho tôi, trong đó công nhận phần diện tích tăng thêm là 50,5m$^2$. Người khởi kiện cam đoan không đồng thời khiếu nại quyết định hành chính đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

** Người bị kiện UBND thành phố V, đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hữu N1 - Phó Chủ tịch, trình bày:*

Hộ bà Lê Thị N nhận chuyển nhượng đất được giao từ hộ bà Bùi Thị L theo Quyết định số 587/QĐ-UB ngày 20/10/1990 và được UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/3/1994 tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 2, diện tích 140m$^2$ đất ở. Do việc giao đất đã lâu, hồ sơ lưu trữ không khoa học và phải di chuyển kho lưu trữ nhiều lần nên hiện hay chưa tìm được hồ sơ giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu của hộ bà N. Trong quá trình sử dụng hộ bà Lê Thị N có lấn chiếm đất phía sau, được đơn vị đo đạc bản đồ năm 1997 đo gộp vào cùng thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND phường T xác nhận, UBND thành phố V công nhận, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/10/2002, tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 18, diện tích 178,3m$^2$ đất ở (hợp thức phần diện tích tăng thêm 38,3m$^2$ thành đất ở).

Năm 2022, hộ bà Lê Thị N lập hồ sơ đề nghị công nhận tăng thêm 50,5m$^2$ đất ở, nguồn gốc tăng thêm do lấn chiếm. Kiểm tra hiện trạng trên đất không có công trình cố định, chủ hộ xây dựng tường rào bao quanh diện tích lấn chiếm, phần diện

tích đất lớn hơn hạn mức được tách thửa đối với đất ở, hạn mức giao đất là 50m$^2$ theo quy định tại Quyết định 12/2014/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của UBND tỉnh P. Tại khu vực này do tiếp giáp với khu vực quy hoạch đồng Trầm Thu, phương Dưu L1 và các hộ dân xung quanh đều lấn chiếm thêm diện tích đất phía sau do UBND phường quản lý, đồng thời Thành ủy - UBND thành phố V có nhận được đơn của một số hộ dân khu T, phường T đề nghị kiểm tra lại việc hợp thức đối với diện tích tăng thêm cho hộ bà Lê Thị N (trong đó có nội dung; thửa đất có diện tích 200,0m$^2$, đủ điều kiện đấu giá quyền sử dụng đất, gây thất thu ngân sách Nhà nước). Để quản lý chặt chẽ quỹ đất, đảm bảo đúng quy định, UBND thành phố V đã ban hành Văn bản số 3375/UBND-TNMT ngày 29/12/2022 chỉ đạo như sau:

- UBND phường T thực hiện việc kiểm tra, rà soát quỹ đất tại khu vực này, đối chiếu với các Quy hoạch đã được duyệt, đề xuất phương án sử dụng đất phù hợp với Quy hoạch, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, làm cơ sở để công nhận quyền sử dụng đất hoặc đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

- Phòng Quản lý đô thị thực hiện việc thẩm định, trình UBND thành phố phê duyệt quy hoạch theo quy định.

- Phòng T2 kiểm tra, rà soát, cập nhật việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tại khu vực này. Sau khi Quy hoạch được duyệt, tham mưu đề xuất UBND thành phố V thực hiện công nhận quyền sử dụng đất hoặc đấu giá quyền sử dụng đất cho các hộ dân theo quy định. Hiện nay, UBND phường T đang tiến hành phối hợp với UBND phường D rà soát quỹ đất và hiện trạng sử dụng để xây dựng phương án sử dụng đất theo chỉ đạo của UBND thành phố tại văn bản trên theo đúng quy định của Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ để sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ quy định cụ thể một số nội dung tại Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. Việc bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu UBND thành phố V phải thực hiện công nhận quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà là không có cơ sở giải quyết. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ căn cứ các quy định hiện hành, xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND phường T, người đại diện theo pháp luật ông Phạm Công H1 trình bày:*

Năm 2022, hộ bà Lê Thị N có đơn đề nghị công nhận tăng thêm 62,8m$^2$ đất ở, nguồn gốc tăng thêm do lấn chiếm. Kiểm tra hiện trạng trên đất không có công trình cố định, chủ hộ xây dựng tường rào bao quanh diện tích lấn chiếm, do vậy sau khi niêm yết công khai, lấy ý kiến khu dân cư, xác định thời điểm chủ hộ lấn chiếm sử dụng đất năm 2008, phần diện tích đất tăng phù hợp quy hoạch. Căn cứ vào kết quả trích đo địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V lập tháng 3/2022,

UBND phường T đã lập hồ sơ xin công nhận phần diện tích đất tăng thêm cho bà Lê Thị N trình cấp có thẩm quyền thẩm định, xem xét phê duyệt.

Tuy nhiên một số hộ dân khu T, phường T có đơn đề nghị xác định lại việc hợp thức đối với diện tích tăng thêm cho hộ bà Lê Thị N (trong đó có nội dung: thửa đất có diện tích 200,0m$^2$, đủ điều kiện đấu giá quyền sử dụng đất, gây thất thu ngân sách Nhà nước). Do vậy đề quản lý chặt chẽ quỹ đất, đảm bảo đúng quy định, UBND thành phố V đã ban hành Văn bản số 3375/UBND-TNMT ngày 29/12/2022 yêu cầu UBND phường T, kết hợp với các phòng ban chuyên môn của thành phố thực hiện việc kiểm tra, rà soát quỹ đất tại khu vực này, đối chiếu với các Quy hoạch đã được duyệt, đề xuất phương án sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, làm cơ sở để công nhận quyền sử dụng đất hoặc đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

Căn cứ Văn bản số 3375/UBND-TNMT ngày 29/12/2022 của UBND thành phố V phê duyệt Quy hoạch theo quy định, UBND phường T đã tổ chức nghiên cứu quy hoạch tại khu vực trên, do vị trí quy hoạch sát với quy hoạch khu dân cư T, phường D có sự chênh cốt từ 2m đến 2,5m, do vậy UBND phường T đã có Báo cáo số 22/BC-UBND ngày 03/04/2023 đề nghị UBND thành phố V đồng ý cho chủ trương lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đối với diện tích nhỏ hẹp tại tổ D, khu T, phường T. Và đề xuất UBND thành phố V thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân theo quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b, điểm c khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 26, Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013; điểm b khoản 3 Điều 22 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; điểm b khoản 3 Điều 24a Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N. Hủy Văn bản hành chính số 3375/UBND-TNMT ngày 29/12/2022 của UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ về việc "trả lại hồ sơ công nhận quyền sử dụng đất tăng thêm của hộ bà Lê Thị N tại phường T, thành phố V";

Buộc UBND thành phố V thực hiện việc hợp thức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tăng thêm là 50,5m$^2$, theo chỉ giới 1, 2, 9, 10, 11, 1 tại sơ đồ trích đo địa chính công nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị N do Văn phòng đăng ký đất đai UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ lập (có sơ đồ kèm theo) thuộc một phần thửa đất tổ 4, tờ bản đồ số 18, địa chỉ khu T, phường T, thành phố

V, tỉnh Phú Thọ) cho bà Lê Thị N, bà Lê Thị N phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định kháng nghị số 525/QĐ-VKS-HC kháng nghị một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Ngày 24/10/2023, người bị kiện là UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Người bị kiện xin rút nội dung kháng cáo về việc hủy Văn bản hành chính số 3375/UBND-TNMT ngày 29/12/2022 của UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ về việc "trả lại hồ sơ công nhận quyền sử dụng đất tăng thêm của hộ bà Lê Thị N tại phường T, thành phố V"; đối với các nội dung khác của kháng cáo như: nội dung tuyên án, thẩm quyền của Hội đồng xét xử tôi không nhất trí đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị UBND thành phố V thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 50,5m$^2$ đất cho bà Lê Thị N theo quy định của Luật Đất đai.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nhất trí với ý kiến của đại diện UBND thành phố V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính 2015, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của UBND thành phố V và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N, hủy Văn bản số 3375/UBND-TNMT của UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ; buộc UBND thành phố V thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, quan điểm của Kiểm sát viên, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố V và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố V và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay người đại diện của UBND thành phố V rút một phần kháng cáo nội dung hủy Văn bản số 3375/UBND-TNMT ngày 29/12/2022 của UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ về việc "trả lại hồ sơ công nhận quyền sử dụng đất tăng thêm của hộ bà Lê Thị N tại phường T, thành phố V". Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét kháng cáo đối với nội dung này của UBND thành phố V.

[2.2]. Quyết định của Bản án sơ thẩm: Buộc UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ thực hiện việc hợp thức cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tăng thêm là 50,5m$^2$ vào thửa đất số 15, tờ bản đồ 18 địa chỉ khu T, phường T, thành phố V cho bà Lê Thị N, thấy:

Về nguồn gốc 50,5m$^2$ đất bà N đề nghị công nhận quyền sử dụng đất, UBND thành phố V và UBND phường T đều xác định đây là đất bà N lấn chiếm, sử dụng từ năm 2008. Trên phần diện tích đất 50,5m$^2$ của bà N không có nhà ở hoặc công trình xây dựng nào mà chỉ sử dụng để trồng rau. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ranh giới đất của bà N ở thời điểm hiện tại không có sự thay đổi so với thời điểm bà N được cấp Giấy chứng nhận vào năm 2002, từ đó buộc UBND thành phố V thực hiện việc hợp thức cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tăng thêm là 50,5m$^2$ cho bà N là không đúng theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai cũng như quy định tại Điều 18 và Điều 24a Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. Mặt khác nếu công nhận phần diện tích 50,5m$^2$ đất ở cho hộ bà N thì tổng diện tích của hộ bà N sẽ là 228,8m$^2$ đất ở (178,3m$^2$ đất ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố V cấp ngày 26/10/2002 + diện tích đất 50,5m$^2$ ), vượt quá hạn mức giao đất ở quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 quy định cụ thể một số nội dung về quản lý, sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ ban hành kèm theo Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ là 200m$^2$. Tại Văn bản số 3375/UBND-TNMT của UBND thành phố V đã thể hiện rõ nội dung chỉ đạo đối với UBND phường T, Phòng Quản lý đô thị và Phòng T2 thực hiện việc kiểm tra, rà soát quỹ đất tại khu vực bà N đề nghị công nhận quyền sử dụng đất làm cơ sở xem xét thực hiện công nhận quyền sử dụng đất hoặc đấu giá quyền sử dụng đất. Đến nay UBND thành phố V cũng chưa có kết luận cuối cùng đối với diện tích đất bà N đề nghị sẽ thực hiện việc công nhận quyền sử dụng đất

cho bà N hoặc đấu giá quyền sử dụng đất để thu ngân sách Nhà nước. Đây thuộc thẩm quyền của UBND thành phố V.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội xác định yêu cầu khởi kiện của bà N buộc UBND thành phố V thực hiện việc hợp thức cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tăng thêm là 50,5m$^2$ cho bà Lê Thị N thuộc thẩm quyền của UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Việc Tòa án sơ thẩm buộc UBND thành phố V thực hiện việc hợp thức cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tăng thêm là 50,5m$^2$ cho bà Lê Thị N, vượt quá thẩm quyền xét xử nên đã rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ về yêu cầu này. Việc rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ là có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử "Buộc UBND Việt Trì thực hiện việc hợp thức cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tăng thêm 50,5m$^2$ là vượt quá thẩm quyền xét xử; không đúng quy định tại Điều 20, Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan, nên bác nội dung khởi kiện này của bà N. Do đó, kháng cáo của UBND thành phố V và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ được chấp nhận một phần, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

[3]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ và chấp nhận một phần kháng cáo của UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Sửa quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2023/HC-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ; Xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N hủy Văn bản hành chính số 3375/UBND-TNMT ngày 29/12/2022 của UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ về việc "trả lại hồ sơ công nhận quyền sử dụng đất tăng thêm của hộ bà Lê Thị N tại phường T, thành phố V".

1.2. Buộc UBND thành phố V thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

1.3. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N buộc UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, trong đó công nhận phần diện tích tăng thêm là 50,5m$^2$.

2. Về án phí: UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. H2 lại cho UBND thành phố V số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai số 0000035 ngày 30/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**
*- VKSNDCC tại Hà Nội;*
*- TAND tỉnh Phú Thọ;*
*- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;*
*- Các đương sự (theo địa chỉ);*
*- Lưu HSVA; HCTP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Việt Hà**